

**BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ
THÁNG 9/2026**

**TĂNG TRƯỞNG CAO
HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU
HAI CON SỐ**

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH
Phòng Vĩ mô và Chiến lược Thị trường
phantich@vdsc.com.vn

www.vdsc.com.vn



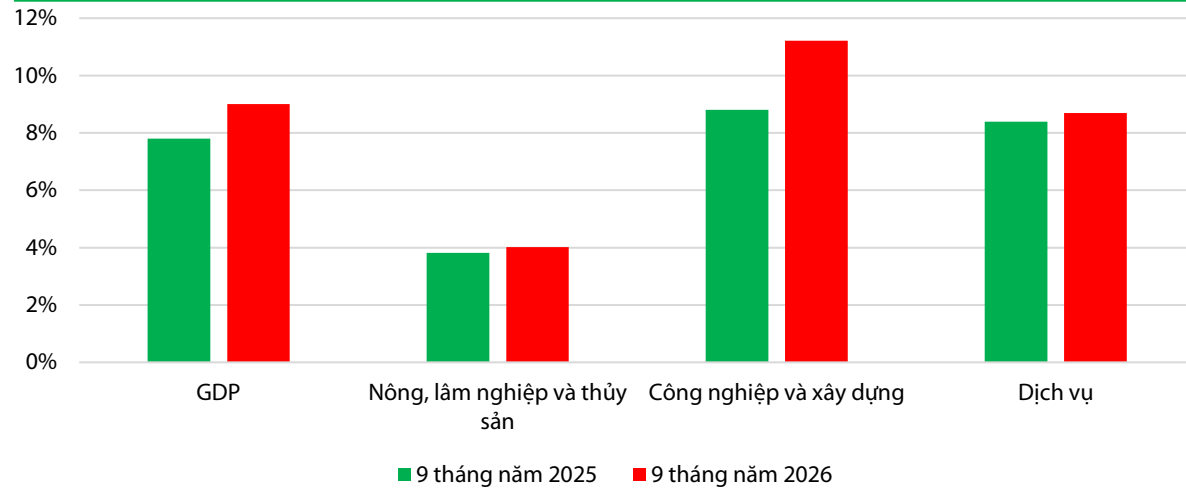
SO SÁNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2026
VỚI CHỈ TIÊU TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP

STT	Chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Mục tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Kết quả 9 tháng năm 2026
1	Tăng trưởng GDP	≥10%	9,01%
2	CPI bình quân	Khoảng 4,5%	4,52%
3	Xuất khẩu	Tăng 15–16%	24,50%
4	Tổng kim ngạch XNK	Duy trì tăng trưởng cao	888,02 tỷ USD (+30,4%)
5	FDI đăng ký	Thu hút FDI chất lượng cao	50,36 tỷ USD (+76,4%)
6	FDI thực hiện	Tăng giải ngân	21,07 tỷ USD (+12,1%)
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Thúc đẩy đầu tư	3.109,6 nghìn tỷ đồng (+15,1%)
8	Ổn định kinh tế vĩ mô	Giữ vững ổn định	Các cân đối lớn được đảm bảo

Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt tổng hợp

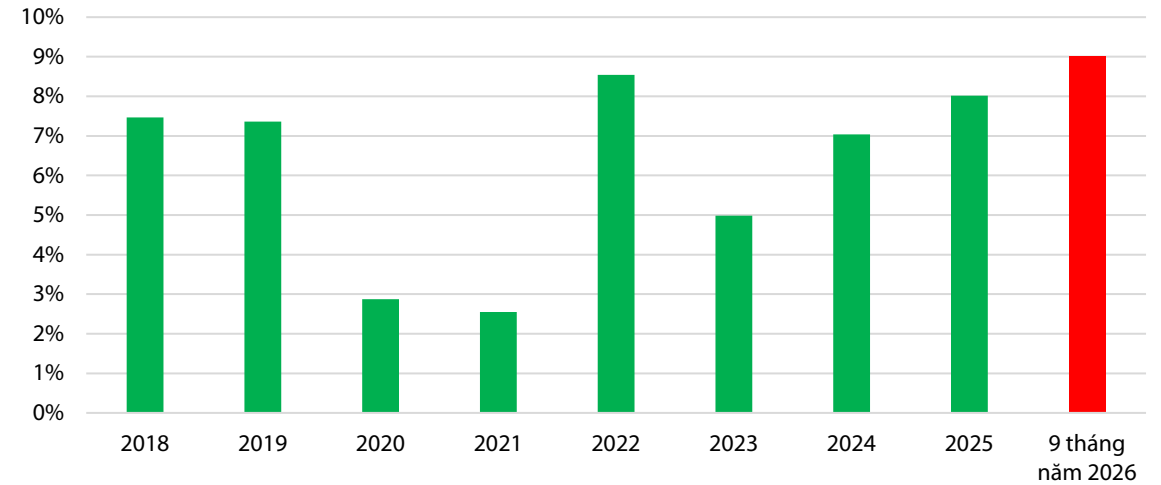
- Bức tranh vĩ mô Việt Nam 9 tháng 2026 nổi lên với một nghịch lý rõ nét, khi tăng trưởng danh nghĩa mạnh mẽ nhưng chất lượng tăng trưởng đang bị pha loãng bởi áp lực giá cả ngày càng gia tăng.
- FDI là điểm sáng cấu trúc rõ nhất, khi vốn đăng ký đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ, mức tăng mạnh nhất trong nhiều năm, trong khi vốn thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, cao nhất trong nhiều năm qua. Dòng vốn này lý giải phần lớn động lực tăng trưởng công nghiệp, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng tăng 12,3% và chế biến chế tạo dẫn dắt ở mức 12,9%. Điều này phản ánh đúng tính chất xuất khẩu của Việt Nam là câu chuyện FDI khi khu vực có vốn ngoại tiếp tục mở rộng năng lực sản xuất nhanh hơn nhiều so với khu vực nội địa, thể hiện rõ qua khoảng cách xuất khẩu FDI tăng 29,4% so với nội địa chỉ tăng 7,4% trong 9 tháng.
- Ở phía cầu, bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng giữ nhịp tăng hai chữ số danh nghĩa, đạt 13,4% lũy kế, nhưng nếu loại trừ yếu tố giá thì thực tăng chỉ 7,8%, cho thấy gần một nửa mức tăng trưởng danh nghĩa đến từ lạm phát chứ không phải sức mua thực.
- Đây chính là điểm giao thoa rõ nhất với CPI, khi lạm phát bình quân 9 tháng đã lên 4,52%, mức lạm phát này đã vượt so với mục tiêu lạm phát 4,5% (hoặc dư địa còn khá mỏng so với mức được điều chỉnh là 5%). Nếu giá dầu hoặc căng thẳng Hormuz quay lại leo thang trong Q4, dư địa này rất mỏng và mục tiêu lạm phát hoàn toàn có thể bị tác động tiêu cực.
- Tăng trưởng GDP Q3 đạt 9,95%, thương mại nhập siêu 19,42 tỷ USD đảo chiều từ xuất siêu cùng kỳ. Ngoài ra, chỉ tiêu thành lập doanh nghiệp mới (+3,2% svck) hay số doanh nghiệp giải thể (ở mức cao kỷ lục) chỉ là các biến phụ trợ và chưa làm thay đổi câu chuyện chính rằng tăng trưởng đang dựa vào FDI và giá, mà chưa đến từ sức cầu nội địa thực chất. Để đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong năm nay thì Quý IV phải đạt tăng trưởng GDP ở mức trên 12% và áp lực này đang dồn lên phía đầu tư gồm giải ngân đầu tư công, đầu tư khu vực tư nhân và FDI.

Tốc độ tăng trưởng GDP 9 tháng năm 2026



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Diễn biến tăng trưởng GDP giai đoạn 2018 - nay



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt tổng hợp

- GDP quý III/2026 tăng 9,95% (YoY), cao nhất trong 4 năm. Mức này tăng tốc từ 8,81% của quý II và cao hơn hẳn 8,25% của quý III/2025. Tính chung 9 tháng, GDP tăng 9,01%, trong khi cùng kỳ 2025 chỉ đạt 7,85%. Nếu không tính giai đoạn 2022 khi tăng trưởng chủ yếu đến từ nền thấp do giãn cách COVID, đây là quý tăng trưởng cao nhất kể từ 2011.
- Cả ba khu vực cùng tăng tốc: Công nghiệp và xây dựng tăng 12,50%, từ mức 11,33% của quý II. Một số dự án lớn đã đi vào vận hành, đơn hàng xuất khẩu phục hồi và đầu tư công được đẩy nhanh. Dịch vụ tăng 9,54%, bật lên từ 8,08% của quý II. Hoạt động thương mại, dịch vụ quý III tăng 14,5% so với cùng kỳ. Nông, lâm, thủy sản tăng 4,21%, nhích nhẹ từ 4,13%. Mục tiêu 10% cả năm đã gần hơn, nhưng vẫn đòi hỏi quý IV tăng khoảng 12,5%. Đi kèm tăng trưởng là hai áp lực: lạm phát và nhập siêu, đòi hỏi chính sách tiền tệ phải linh hoạt hơn trong 3 tháng còn lại của năm 2026 trước bối cảnh vĩ mô quốc tế vẫn phức tạp.
- Đáng chú ý, 5 thành phố trực thuộc Trung ương cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng. Trong đó, 3 trung tâm lớn lọt nhóm “hai con số” trong quý 3 gồm: Hải Phòng (tăng 13,09%), Đà Nẵng (tăng 11,83%) và Hà Nội (tăng 10,02%). Hai thành phố còn lại cũng bám đuổi sát sao với sự cải thiện rõ rệt: TP. Hồ Chí Minh đạt mức tăng 9,86% (nhờ đòn bẩy từ dự án nhà ở xã hội và Khu đô thị lấn biển Cần Giờ) và TP. Cần Thơ tăng 9,29% (nhờ đẩy nhanh các siêu dự án hạ tầng giao thông, năng lượng).
- Để kiến tạo nên mức tăng trưởng hai con số tại hàng loạt địa phương, đóng góp chính đến từ khu vực Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ.** Trong quý 3/2026, có đến 30/34 tỉnh đạt mức tăng trên 10% ở khu vực Công nghiệp và Xây dựng. Đáng chú ý, tại An Giang, mức tăng lên tới 26,27%, theo sau là Thái Nguyên (20,34%) và Quảng Ninh (18,51%). Kết quả này có được nhờ năng lực sản xuất mới từ các nhà máy điện tử, thiết bị, sự bùng nổ của xu hướng xe điện và nỗ lực đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công.

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NÀO CHO CẢ NĂM 2026 ?

- Như vậy sau 9 tháng năm 2026, tăng trưởng GDP đã đạt 9,01% phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi ở kịch bản cơ sở và xác suất để đạt kịch bản tăng trưởng kinh tế cao đang tăng lên (các kịch bản được chúng tôi đưa ra vào cuối Q2 và thể hiện ở bảng dưới). Để đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong năm nay thì Quý IV phải đạt tăng trưởng GDP ở mức trên 12% và áp lực này đang dồn lên phía đầu tư gồm giải ngân đầu tư công, đầu tư khu vực tư nhân và FDI.
- Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm về một nền tăng trưởng cao trong năm 2026 với tăng trưởng GDP cả năm đạt trên 9,5% đi kèm là lạm phát trong tầm kiểm soát của Chính phủ (từ 4,5%-5%), giải ngân đầu tư công đạt trên 90% và FDI tiếp tục bứt phát mạnh mẽ. Bên cạnh đó là tình trạng nhập siêu cải thiện và tỷ giá được duy trì ổn định.

CHỈ TIÊU	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỪA PHẢI	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ KHẢ QUAN	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CAO
Tăng trưởng GDP	2H26: 8,3–9,0% Cả năm: 8,2–8,6%	2H26: 10,5–11,5% Cả năm: 9,1–9,7%	2H26: 11,5–12,5% Cả năm: ≥10,0%
CPI bình quân	4,3–4,5%	4,5–4,8%	4,8–5,0%
Xuất khẩu	23–28%	28–32%	>32%
Nhập khẩu	>42%	40–42%	35–40%
Giải ngân đầu tư công	70–75%	75–85%	>85%
Cán cân thương mại	Nhập siêu kéo dài	Nhập siêu nhưng cải thiện cuối Q4	Có thể quay lại xuất siêu trong Q4
FDI thực hiện	12–15%	16–18%	>18%
Bán lẻ thực (loại trừ yếu tố giá)	7,5–8,0%	8,0–9,5%	>10,0%
Lãi suất	OMO 4,5%; lãi suất thị trường 1 neo cao	OMO 4,5%; lãi suất thị trường 1 cải thiện nhẹ	OMO 4,5%; lãi suất thị trường 1 có thể giảm ~1 điểm %
Tỷ giá trung tâm	Mất giá <1%	Mất giá 1–2%	Biến động cao hơn nhưng ≤3%
ĐIỀU KIỆN KÍCH HOẠT	Đây là kịch bản có xác suất xảy ra cao nếu các động lực hiện tại duy trì: sản xuất, dịch vụ và FDI tích cực; đầu tư công tăng tốc trong Q3–Q4. Ở kịch bản này, mặc dù tăng trưởng GDP chưa đủ để chạm hai chữ số nhưng Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực.	Cần cộng hưởng mạnh: đầu tư công giải ngân quyết liệt, hạ tầng tạo lan tỏa, sản xuất công nghiệp hai chữ số, xuất khẩu mở rộng và tiêu dùng thực phục hồi. Đây là kịch bản đưa nền kinh tế tiến rất gần mục tiêu tăng trưởng hai chữ số, nhưng cần điều hành chính sách với cường độ cao và phối hợp chặt chẽ hơn.	Sẽ đạt được nếu các điều kiện rất thuận lợi cùng xuất hiện, bao gồm đầu tư tăng mạnh (gồm đầu tư công, FDI, khu vực tư nhân), xuất khẩu không bị gián đoạn bởi căng thẳng địa chính trị, thuế quan và cầu nội địa mạnh nhưng CPI vẫn trong tầm kiểm soát.

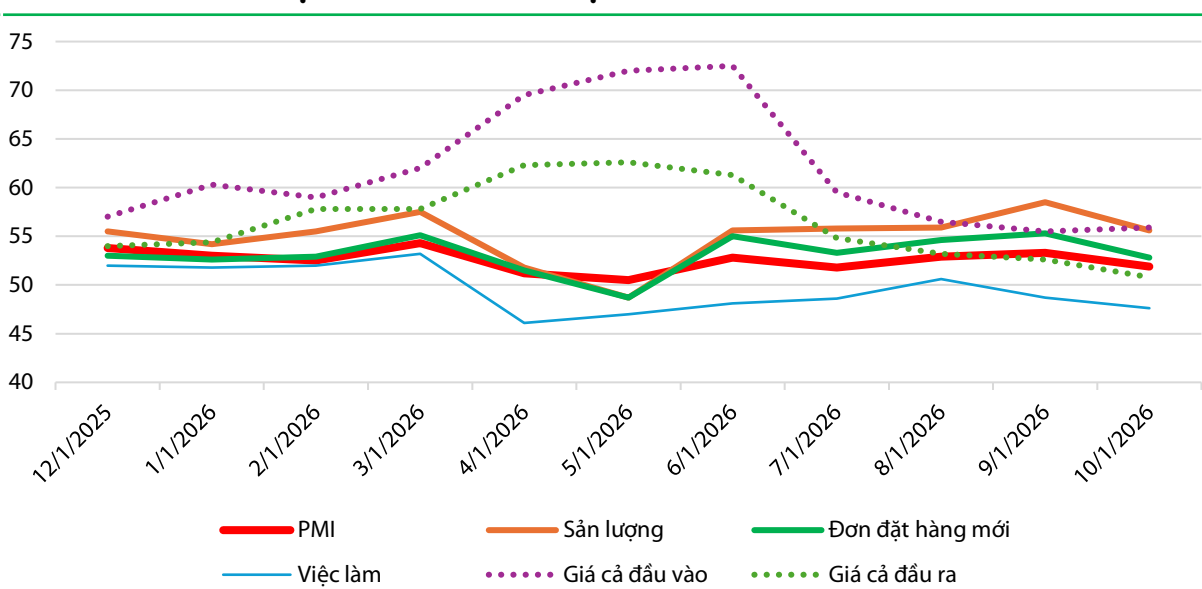
Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

Tăng trưởng chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chính

% so với cùng kỳ	04/26	05/26	06/26	07/26	08/26	09/26
Chế biến thực phẩm	10,6	9,8	11,9	13,0	13,3	18,7
Đồ uống	15,6	12,8	16,6	20,3	19,7	24,7
Dệt may	12,8	9,5	13,0	10,1	10,0	15,0
Da giày	2,3	3,4	5,8	4,5	4,8	4,6
Chế biến gỗ	7,1	18,8	18,7	16,4	13,4	13,3
Hoá chất	24,8	8,4	4,0	4,0	6,6	(1,3)
Thuốc, dược liệu	7,1	23,2	29,6	19,4	16,2	12,1
Cao su, plastic	12,1	15,0	15,3	14,2	14,7	19,3
Sản xuất kim loại	14,8	21,3	27,3	29,4	22,5	21,8
Hàng điện tử	11,9	17,8	14,9	10,0	(0,4)	5,7
Sản xuất xe có động cơ	23,6	21,9	20,5	14,9	15,6	15,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	11,5	12,8	9,0	11,6	11,5	15,7
Sản xuất và phân phối điện	10,9	8,5	16,6	12,5	11,8	15,5
Chỉ số chung	9,9	8,8	12,7	14,5	14,4	16,7

Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

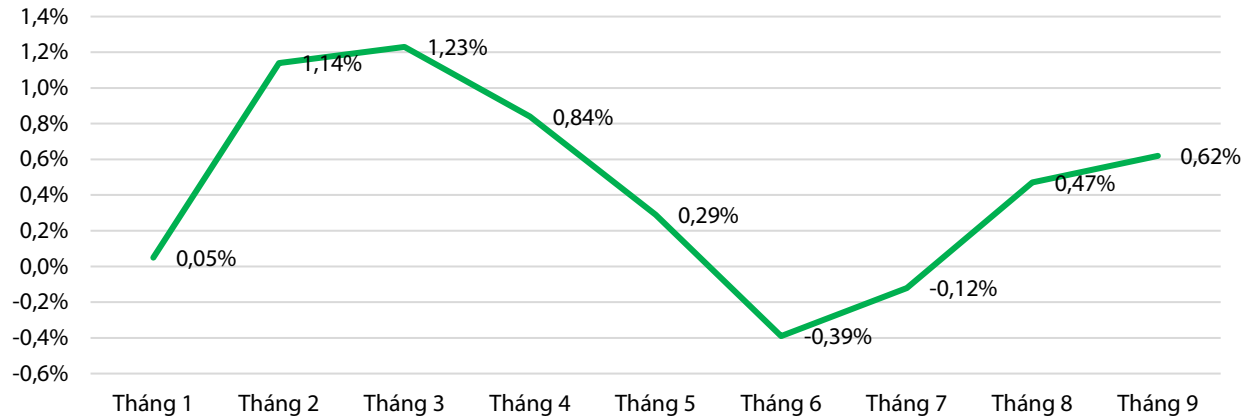
Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam



Nguồn: S&P Global, CTCK Rông Việt

- Tính chung chín tháng năm 2026, IIP ước tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 9,0%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,9% (cùng kỳ năm 2025 tăng 10,3%), đóng góp 10,0 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,6% (cùng kỳ năm 2025 tăng 6,3%). Điều này phù hợp với xu hướng vốn FDI đăng ký mới đang tập trung vào lĩnh vực này.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 9 đạt 51,9 điểm, thu hẹp so với mức 53,3 điểm của tháng 8. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất vẫn cải thiện, nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại khi quý III khép lại. Sản xuất và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng trong tháng 9, song mức tăng đều thấp hơn so với tháng trước.
- Ở chiều ngược lại, thị trường lao động trong ngành sản xuất tiếp tục chịu sức ép khi số lượng việc làm giảm tháng thứ hai liên tiếp. Đáng chú ý, chi phí đầu vào vẫn tăng đáng kể trong tháng 9. Tuy nhiên, tốc độ tăng giá bán đầu ra tiếp tục hạ nhiệt, trong bối cảnh áp lực cạnh tranh khiến doanh nghiệp khó chuyển toàn bộ mức tăng chi phí sang khách hàng.
- Tháng 9 tiếp tục ghi nhận mức tăng đáng kể của hoạt động mua hàng khi các công ty đã mua thêm hàng hóa đầu vào để phục vụ tăng sản lượng. Việc đưa các nguyên liệu vào sản xuất khiến lượng hàng tồn kho đầu vào tiếp tục giảm.

Tốc độ tăng/giảm CPI tổng thể qua các tháng năm 2026 so với tháng trước



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

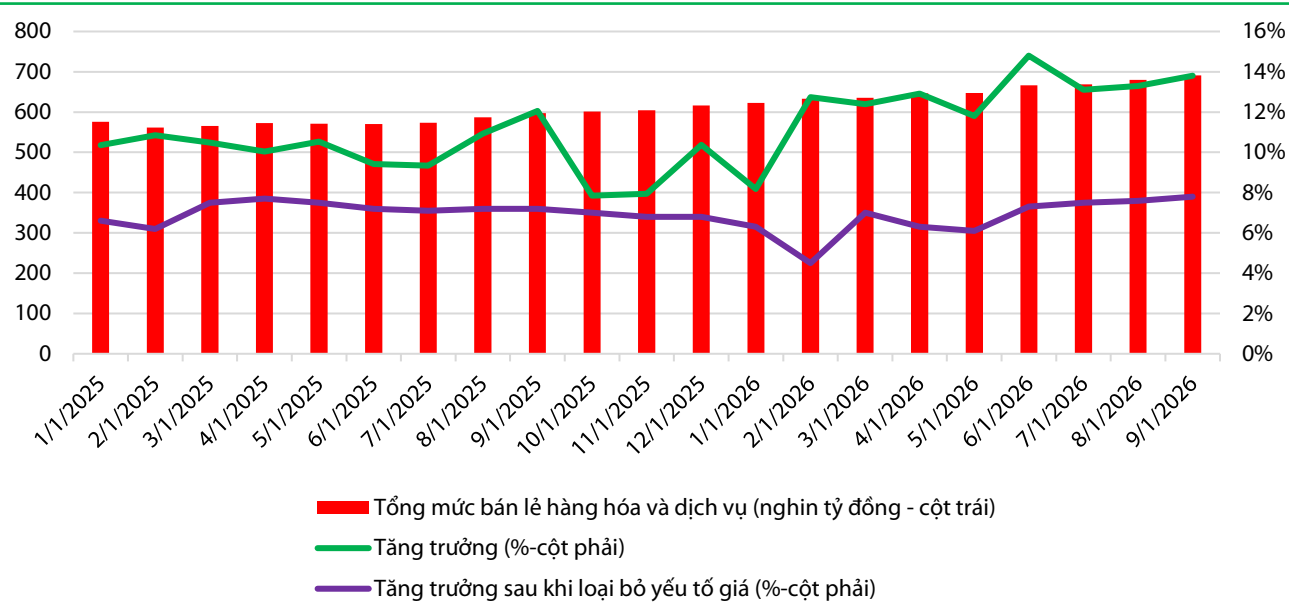
Chỉ số CPI của các nhóm hàng trong tháng 9/2026



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

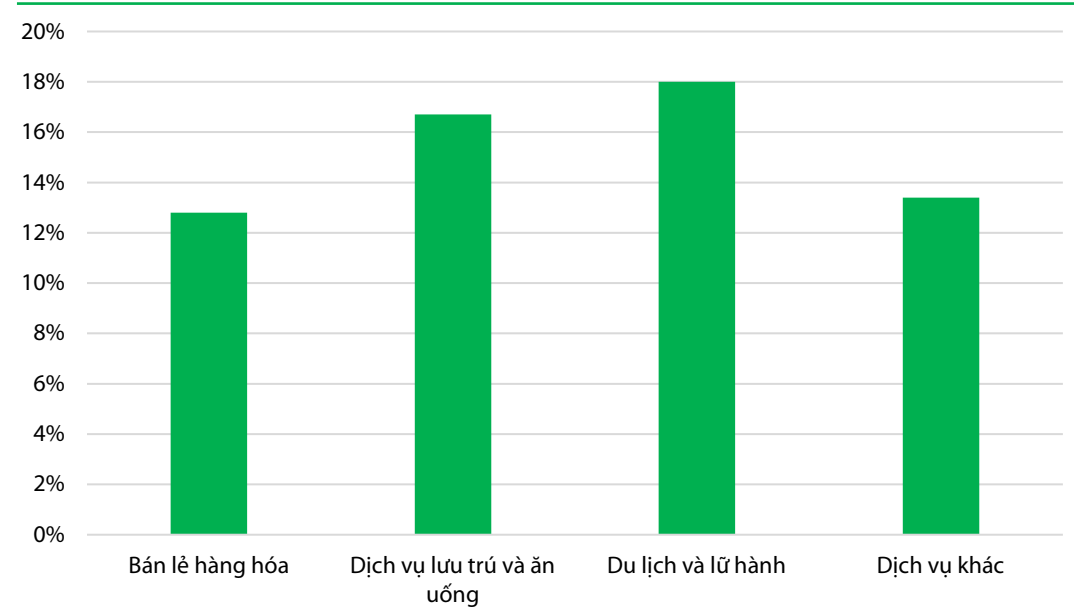
- CPI tháng 09 tăng 0,62% so với tháng trước và 5,08% so với cùng kỳ, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh theo thế giới. Giá xăng tăng 9,39%, diesel tăng 4,53%, kéo nhóm giao thông tăng 3,97%. CPI bình quân 9 tháng tăng 4,52%, lạm phát cơ bản tăng 4,26%. Áp lực lạm phát đang nghiêng về phía chi phí năng lượng. Trong đó một số chỉ số giá tăng cao là hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,90%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,59%; giao thông tăng 7,73%...
- Mức lạm phát này đã vượt so với mục tiêu lạm phát 4,5% (hoặc dư địa còn khá mỏng so với mức được điều chỉnh là 5%), vì vậy, việc kiểm soát lạm phát trong 3 tháng còn lại năm 2026 là khá áp lực. Trên thị trường quốc tế, diễn biến giá dầu và chi phí vận tải tiếp tục khó dự báo. Xung đột tại Trung Đông có thể đẩy giá năng lượng, vận tải và nguyên vật liệu tăng cao, qua đó làm gia tăng nguy cơ lạm phát nhập khẩu. Khi chi phí nhiên liệu và logistics tăng, sức ép có thể lan sang chi phí sản xuất, lưu thông và giá bán hàng hóa trong nước.
- Trong nước, việc đẩy mạnh đầu tư công, triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm và nhu cầu xây dựng tăng vào cuối năm được dự báo kéo theo nhu cầu lớn hơn đối với vật liệu xây dựng, máy móc và nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng thường tăng trong những tháng cuối năm cũng có thể tạo thêm sức ép lên chỉ số giá tiêu dùng. Ngược lại, áp lực lạm phát được giảm bớt nhờ các chính sách giảm thuế, phí, lệ phí; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước cơ bản ổn định.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ (svck)



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

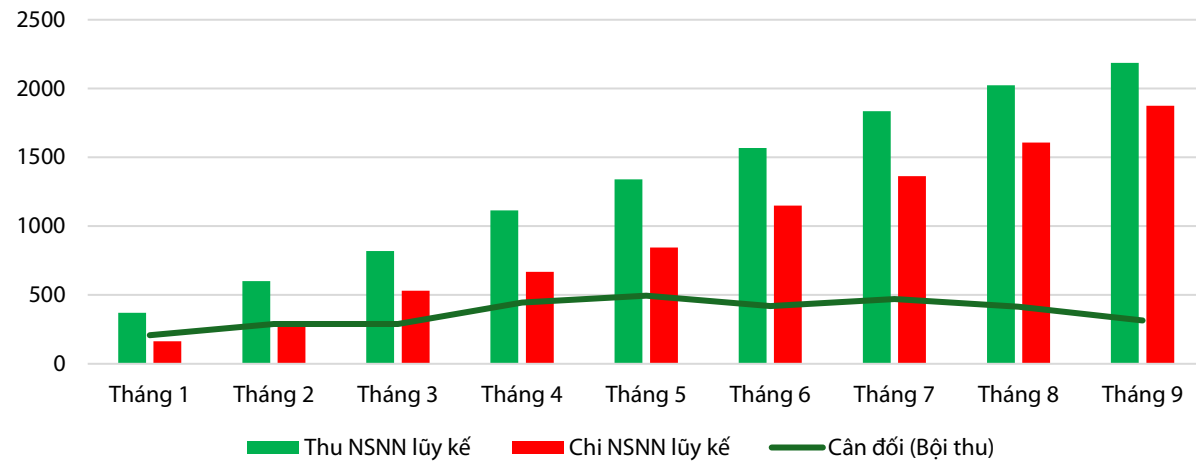
Cơ cấu theo nhóm ngành và tăng trưởng so với cùng kỳ



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

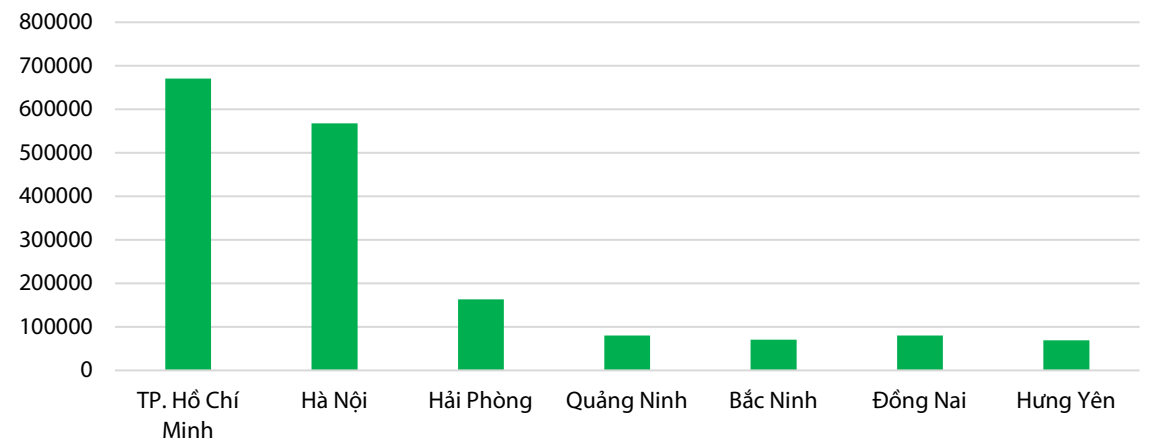
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2026 theo giá hiện hành ước đạt 5.925,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước; nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,8%. Điều này cho thấy trong bối cảnh lạm phát còn nhiều diễn biến phức tạp thì sức cầu thực tuy có cải thiện qua từng tháng nhưng chưa tạo ra sự cải thiện rõ rệt.
- Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2026 ước đạt 4.463,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,3% tổng mức và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 29,2%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 22,0%; hàng hóa khác tăng 18,8%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 17,2%; xăng, dầu các loại tăng 14,9%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng năm 2026 ước đạt 758,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,8% tổng mức và tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành 9T2026 ước đạt 78,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng mức và tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Điều này phản ánh vai trò mũi nhọn của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế của nhiều địa phương và cần phát huy nguồn lực này trong Quý 4/2026 để góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao.

Diễn biến cân đối thu chi ngân sách qua các tháng của năm 2026 (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

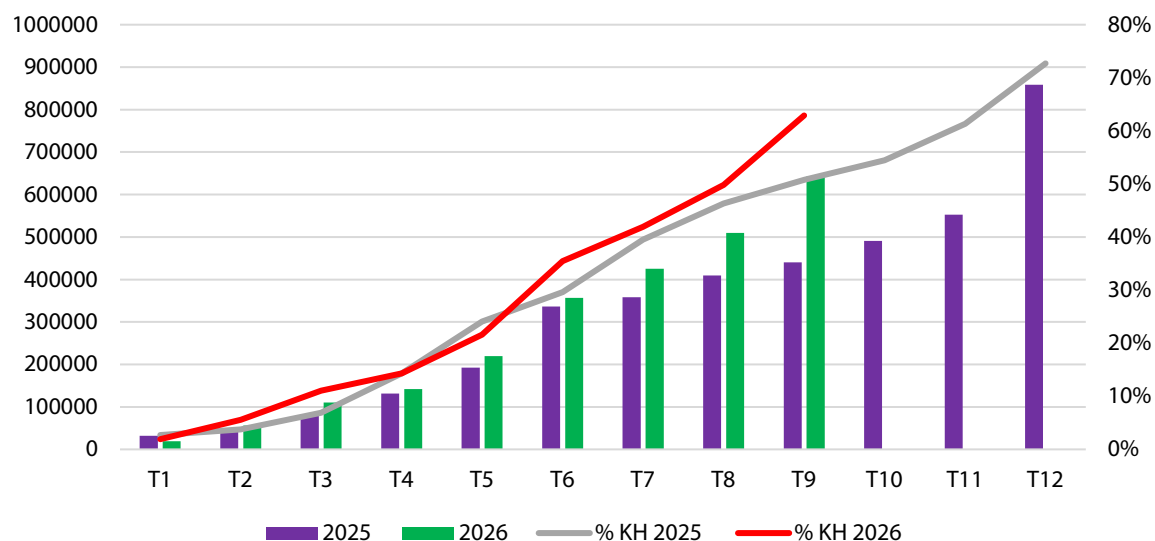
Một số địa phương thu ngân sách cao (tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

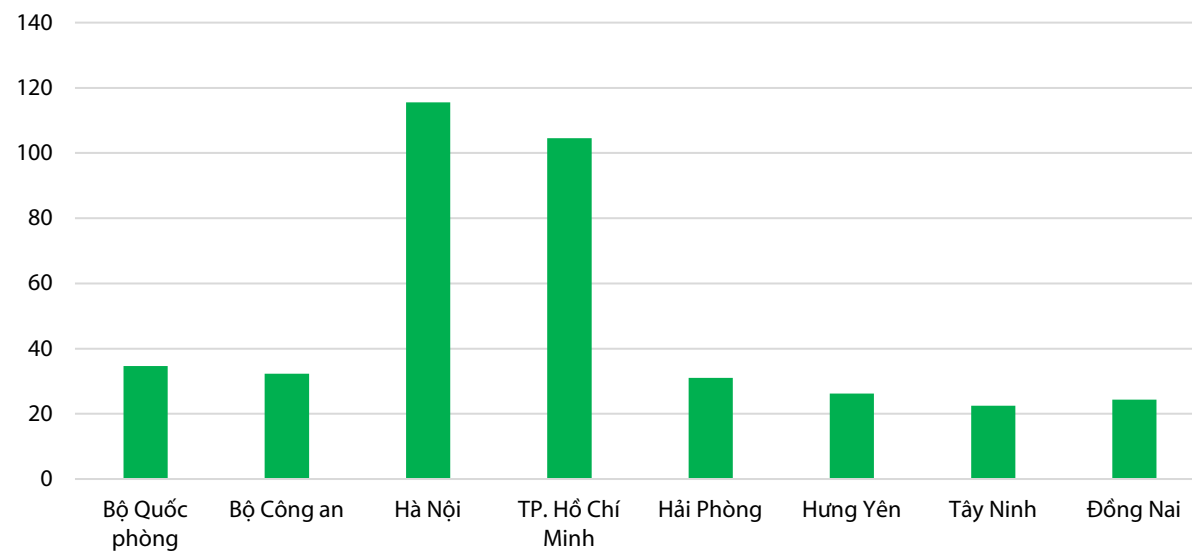
- Thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2026 đạt gần 2,19 triệu tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước đạt 1,87 triệu tỷ đồng, tăng 14,5%. Như vậy, trong 9 tháng đầu năm, ngân sách Nhà nước bội thu 313.600 tỷ đồng (trạng thái bội thu ngân sách Nhà nước giảm từ mức 414.000 tỷ đồng của tháng 8).
- Bên cạnh đó, chi thường xuyên đạt 1,13 triệu tỷ đồng, bằng 62,5% dự toán năm, chiếm 60,3% tổng chi ngân sách Nhà nước và tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Chi đầu tư phát triển đạt 657,5 nghìn tỷ đồng, bằng 58,7%, chiếm 35,1% và tăng 49,3%; Chi trả nợ lãi 83.500 tỷ đồng, bằng 68,9%, chiếm 4,5% và tăng 7,8%.
- Việc gia tăng chi tiêu của Nhà nước ở hầu hết các cấu phần chi ngân sách một mặt thể hiện chuyển hóa nguồn lực khu vực Nhà nước vào nền kinh tế giúp đảm bảo ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng (miễn, giảm, giãn thuế như xăng dầu); Mặt khác cũng sẽ gây áp lực phần nào đến tỷ giá. Do đó, việc phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ càng về cuối năm càng phải nhịp nhàng trước bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp.

Quy mô giải ngân vốn đầu tư công lũy kế theo tháng (tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Giải ngân vốn đầu tư công tại một số địa phương và Bộ/Ngành (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

- Về giải ngân vốn kế hoạch năm 2026, lũy kế giải ngân đến hết ngày 30/9/2026 là 642.962 tỷ đồng, đạt 62,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, tăng mạnh so với mốc 35,5% vào cuối Q2/2026.
- Điểm nghẽn của giải ngân đầu tư công hiện nay vẫn là công tác giải phóng mặt bằng tại một số nơi còn vướng xác định giá đất, nguồn gốc và tính pháp lý của đất, phương án bồi thường, tái định cư, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật. Nếu những điểm nghẽn này không được xử lý kịp thời, vốn sẽ tiếp tục nằm trong kế hoạch nhưng không chuyển hóa thành khối lượng đầu tư thực tế. Khi đó, áp lực giải ngân sẽ dồn vào những tháng cuối năm, trong khi thời gian để hoàn thiện thủ tục, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh toán ngày càng ngắn. **Tuy nhiên, trong tháng 9, Bộ Tài chính đã triển khai chấm điểm giải ngân đầu tư công với các tỉnh/thành.** Việc chấm điểm có tác động lan tỏa rất lớn tới các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các chủ đầu tư tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch giải ngân và triển khai các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án.
- Kỳ vọng giải ngân đầu tư công năm 2026 cao hơn năm 2025 là hoàn toàn có cơ sở, tuy nhiên nguồn lực này cần được chuyển hóa nhanh hơn nữa. Việc chuyển hoá nguồn lực đầu tư công không chỉ hỗ trợ cho tăng trưởng mà còn góp phần hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Đồng thời việc giải quyết các điểm nghẽn như vật liệu, giải phóng mặt bằng, quy trình phân bổ và quyết toán đầu tư còn là tiền đề quan trọng cho giải ngân đầu tư công năm 2027 đạt hiệu quả cao hơn.

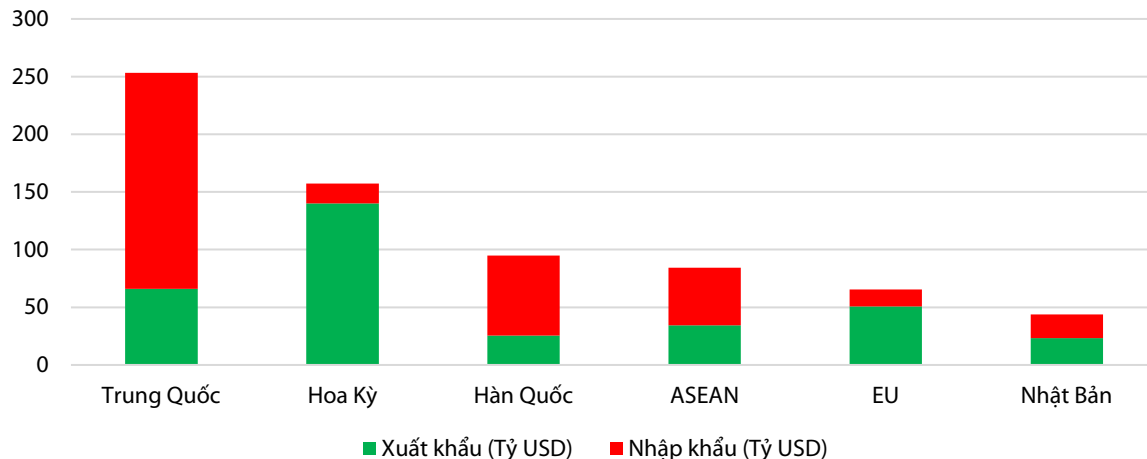
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2026 đạt 117,69 tỷ USD, tăng 7,3% so với tháng trước và tăng 42,4% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, cán cân thương mại hàng hóa tháng 9 đã xuất siêu trở lại sau 9 tháng liên tiếp nhập siêu, với mức xuất siêu 1,27 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 888,02 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 24,5%; nhập khẩu tăng 36,7%.
- Trong 9 tháng của năm 2026, **bối cảnh thương mại toàn cầu đối mặt với hàng loạt bất định**. Xung đột địa chính trị chưa hạ nhiệt, chủ nghĩa bảo hộ tiếp tục gia tăng, các rào cản thương mại ngày càng dày đặc, trong khi yêu cầu về phát triển xanh, giảm phát thải và truy xuất nguồn gốc trở thành tiêu chuẩn bắt buộc tại nhiều thị trường lớn. Giữa bối cảnh đó, việc xuất khẩu của Việt Nam vẫn tăng trưởng trên 20% và sẽ tiếp tục giữ đà tăng trưởng cho 3 tháng cuối năm 2026 không chỉ phản ánh sự phục hồi của nhu cầu thế giới mà còn cho thấy sức chống chịu, khả năng thích ứng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đang từng bước được cải thiện.
- Điểm đáng chú ý là **phần lớn kim ngạch nhập khẩu vẫn tập trung vào máy móc, thiết bị, nguyên liệu và linh kiện phục vụ sản xuất thay vì hàng tiêu dùng**. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang chủ động mở rộng năng lực sản xuất, chuẩn bị nguồn lực cho đơn hàng trong thời gian tới, qua đó tạo dư địa để xuất khẩu tiếp tục bứt phá trong những tháng cuối năm (nhiều tập đoàn lớn như Samsung, LG, Foxconn, Lenovo và BYD tiếp tục mở rộng đầu tư, tăng nhập khẩu dây chuyền, thiết bị, linh kiện và nguyên liệu đầu vào cũng khẳng định Việt Nam vẫn là điểm đến quan trọng trong quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu).
- Tuy nhiên, tốc độ tăng nhập khẩu đầu vào nhanh hơn xuất khẩu phản ánh một thực tế là Việt Nam dù đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu nhưng vẫn chủ yếu đảm nhận các khâu gia công, lắp ráp, trong khi nhiều linh kiện, vật liệu và công nghệ cốt lõi còn phụ thuộc vào nhập khẩu. Vì vậy, mục tiêu trong giai đoạn tới không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mà quan trọng hơn là nâng cao năng lực sản xuất trong nước, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa và chuyển hóa tăng trưởng xuất khẩu thành tăng trưởng thực chất của nền kinh tế. **Nhìn chung, chúng tôi cho rằng trạng thái nhập siêu sẽ còn duy trì trong thời gian tới dù đã có dấu hiệu cải thiện.**
- Bên cạnh đó nếu nhìn vào cấu trúc của cán cân thương mại theo chủ thể sẽ thấy xuất khẩu của khu vực FDI gần như áp đảo. Theo đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 83,89 tỷ USD, tăng 7,5%, chiếm 19,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 350,41 tỷ USD, tăng 29,4%, chiếm 80,7%. Điều này củng cố lập luận về sự nổi trội của khu vực FDI trong cán cân thương mại, với nhu cầu ngày càng lớn về linh kiện điện tử, bán dẫn thì tỷ trọng trong cán cân thương mại của khu vực này vẫn sẽ chiếm tỷ trọng cao, đóng góp chính vào chỉ số sản xuất công nghiệp. Xu thế này vẫn sẽ khó đảo chiều trong giai đoạn kế tiếp nếu không có sự chuyển giao công nghệ, liên kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp nội địa.
- Trong các tháng còn lại của năm 2016, chúng tôi cho rằng cần chủ động theo dõi sát diễn biến tình hình địa chính trị, **rủi ro thuế quan** để có những điều chỉnh kịp thời về chính sách xuất/nhập khẩu. Bên cạnh đó, tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao chất lượng tăng trưởng thương mại, tiếp tục đa dạng hóa thị trường, khai thác hiệu quả các FTA, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn mới của thị trường nhập khẩu và nâng cao năng lực phòng vệ thương mại...

Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam tháng 9/2026

	Tháng này (Tỷ USD)	% sv tháng trước	% sv cùng kỳ	Lũy kế từ đầu năm (Tỷ USD)	% svck
Tổng XNK	117,69	7,3%	42,4%	888,02	30,4%
Xuất khẩu	59,48	8,5%	39,1%	434,30	24,5%
Nội địa	9,54	-9,1%	9,9%	83,89	7,5%
FDI	49,94	12,7%	46,5%	350,41	29,4%
Nhập khẩu	58,21	6,0%	45,8%	453,72	36,7%
Nội địa	13,14	2,5%	22,1%	118,17	23,5%
FDI	45,07	7,1%	54,6%	335,55	42,0%
CCTM	1,27			-19,42	

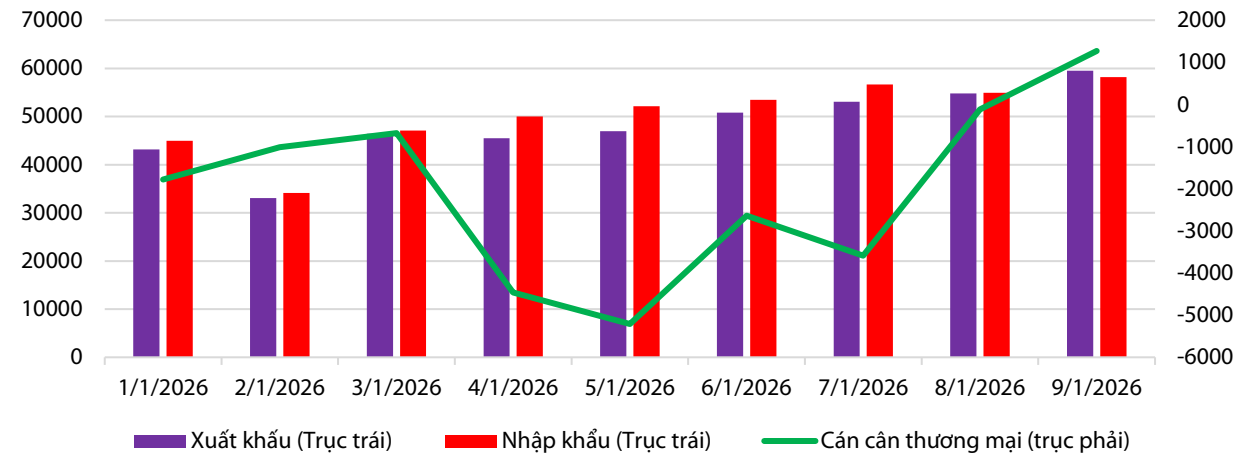
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá chủ yếu 9 tháng năm 2026



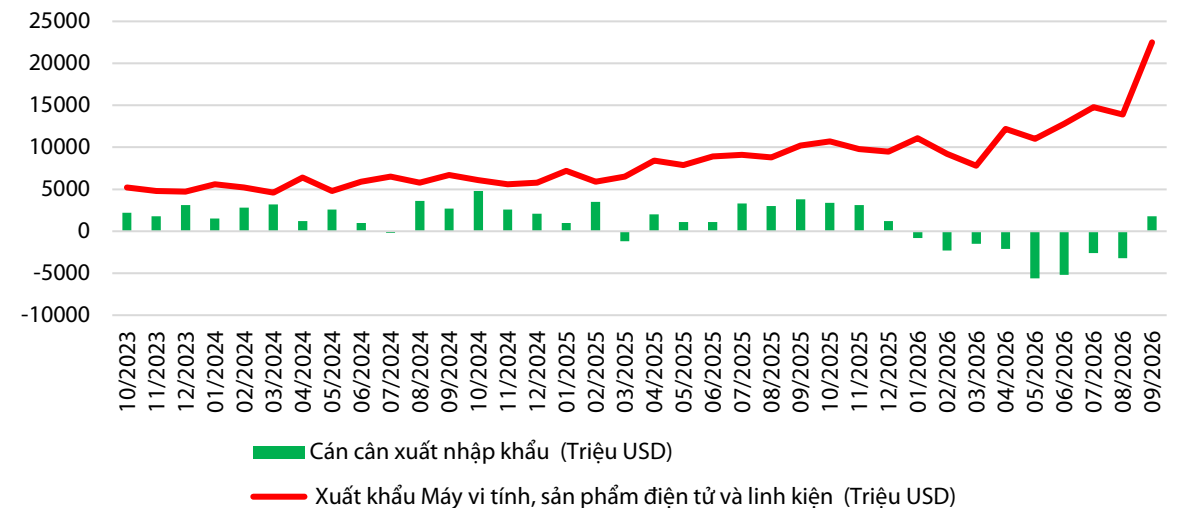
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại theo tháng (triệu USD)



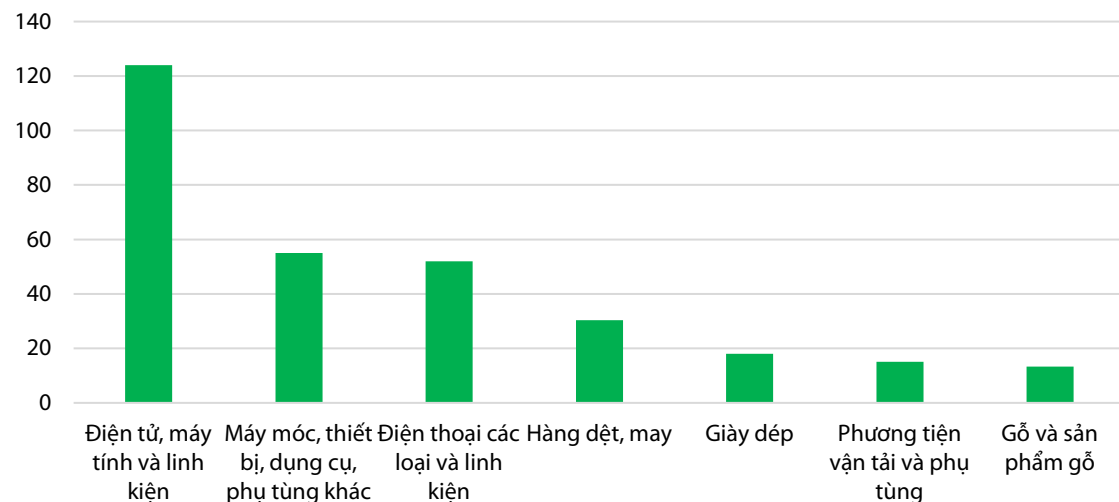
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Cán cân thương mại và xuất khẩu máy vi tính, linh kiện điện tử theo tháng



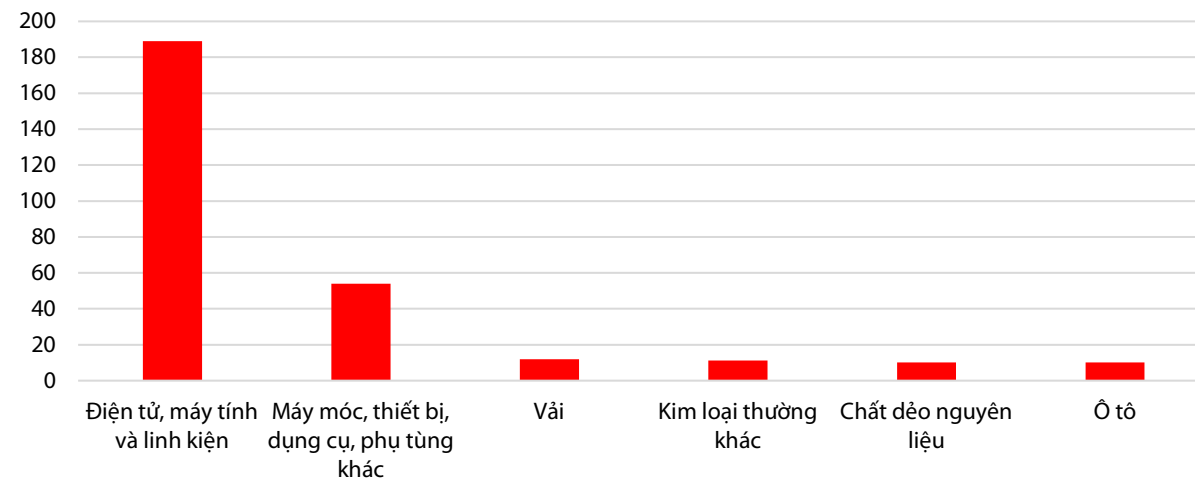
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam qua 9T2026 (tỷ USD)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam qua 9T2026 (tỷ USD)

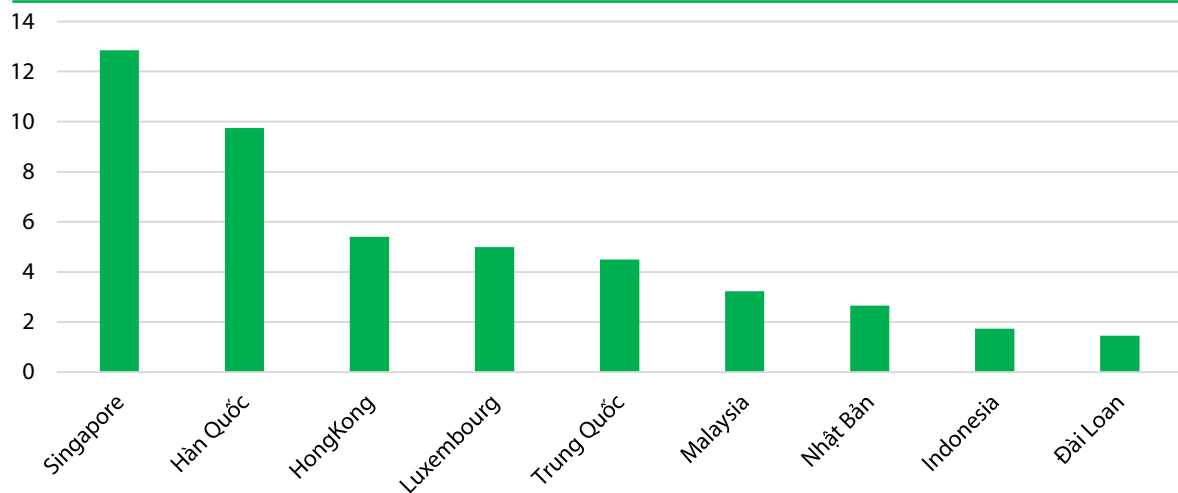


Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- Khi đánh giá nhập siêu cần nhìn vào cơ cấu nhập khẩu, đồng thời xem xét khả năng chuyển hóa các nguồn đầu vào này thành sản phẩm và giá trị xuất khẩu trong những giai đoạn tiếp theo. Do đó, việc nhập khẩu tăng mạnh ở nhóm tư liệu sản xuất cần được đặt trong mối quan hệ với năng lực sản xuất và xuất khẩu của nền kinh tế. Số liệu 9 tháng cho thấy mối quan hệ này thể hiện khá rõ ở nhóm điện tử, máy tính và linh kiện. Kim ngạch xuất khẩu đạt 123,66 tỷ USD, tăng 59,6% svck, nhưng nhập khẩu cũng lên tới 188,94 tỷ USD, tăng 71,7% svck. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 55,01 tỷ USD xuất khẩu, tăng 27,9% svck, trong khi nhập khẩu đạt 53,95 tỷ USD svck, tăng 21,9%.
- Trong tháng 9, cán cân thương mại có đối chiều qua xuất siêu (1,27 tỷ đô), đây là tín hiệu tích cực, nhưng chưa đủ để khẳng định xu hướng nhập siêu đã chấm dứt. Trong thời gian tới, cần tiếp tục theo dõi diễn biến xuất nhập khẩu, nhất là khả năng chuyển hóa nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu thành sản phẩm xuất khẩu, đồng thời phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực sản xuất trong nước để cải thiện tính bền vững của cán cân thương mại và chống chịu với rủi ro thuế quan.
- Trong 9 tháng, khu vực trong nước xuất khẩu 83,89 tỷ USD, tăng 7,4%, trong khi khu vực FDI xuất khẩu 350,41 tỷ USD, tăng 29,4%. Khu vực trong nước nhập siêu tới 34,28 tỷ USD, còn khu vực FDI vẫn xuất siêu 14,86 tỷ USD. Điều này cho thấy nhập siêu không chỉ là câu chuyện của cán cân thương mại mà còn phản ánh hạn chế về năng lực sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

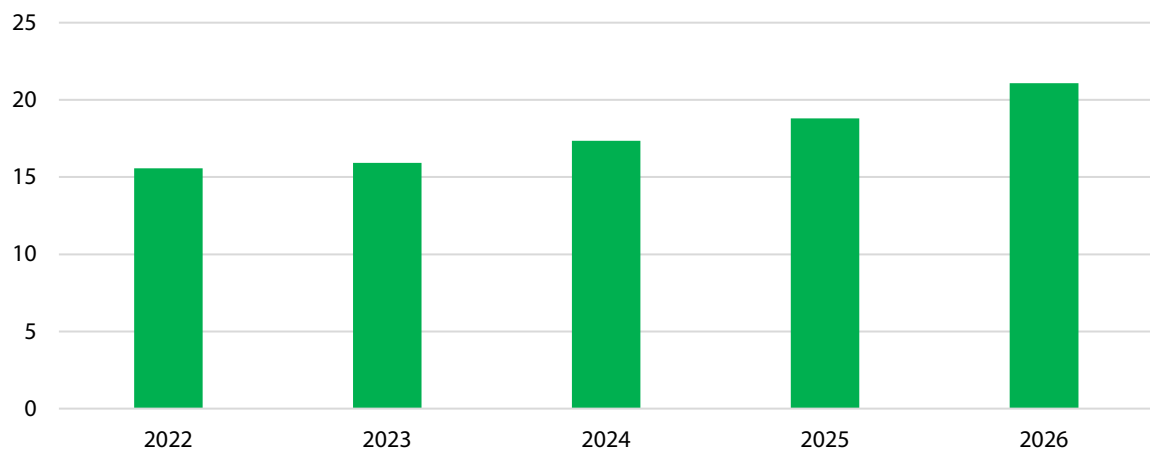
- Tính đến ngày 30/9/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam (FDI) đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 3.108 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 29,24 tỷ USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và **gấp 2,4 lần về số vốn đăng ký**.
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục giữ vị trí lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 13,38 tỷ USD, chiếm 45,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; vận tải kho bãi đạt 5,14 tỷ USD, chiếm 17,6%; các ngành còn lại đạt 10,71 tỷ USD, chiếm 36,6%.
- Về vốn FDI thực hiện, 9 tháng năm 2026 ước đạt 21,07 tỷ USD, vốn FDI thực hiện tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của chín tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 17,40 tỷ USD, chiếm 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,59 tỷ USD, chiếm 7,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 723,4 triệu USD, chiếm 3,4%. Kết quả này tiếp tục là điểm sáng nổi bật của bức tranh kinh tế vĩ mô. Tiền thực tế đổ vào các đại công trường, nhà máy cho thấy năng lực hấp thụ vốn tốt của nền kinh tế và sự đồng hành, hỗ trợ quyết liệt từ phía chính quyền trong việc tháo gỡ các nút thắt thủ tục.
- **Chúng tôi cho rằng xu hướng dòng vốn FDI đổ bộ vào Việt Nam sẽ tiếp tục là điểm sáng trong năm 2026**, đặc biệt là dòng vốn FDI thực hiện sẽ duy trì tốc độ giải ngân cao làm động lực cho tăng trưởng kinh tế và gián tiếp hỗ trợ cho hệ thống tiền tệ-tín dụng.

Các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong 9 tháng năm 2026 (tỷ USD)



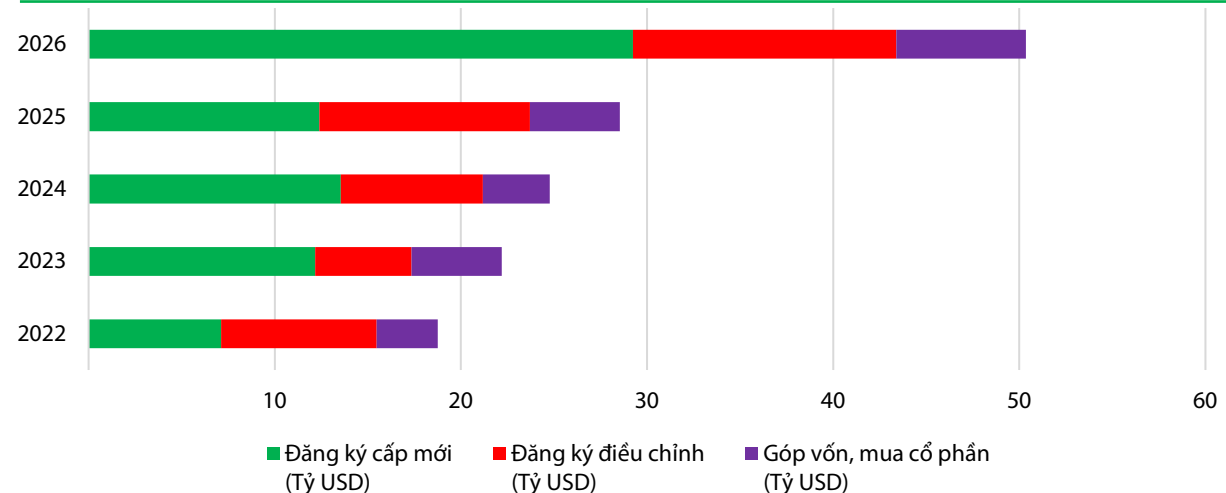
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Vốn FDI thực hiện qua 9 tháng giai đoạn 2022-2026 (Tỷ USD)



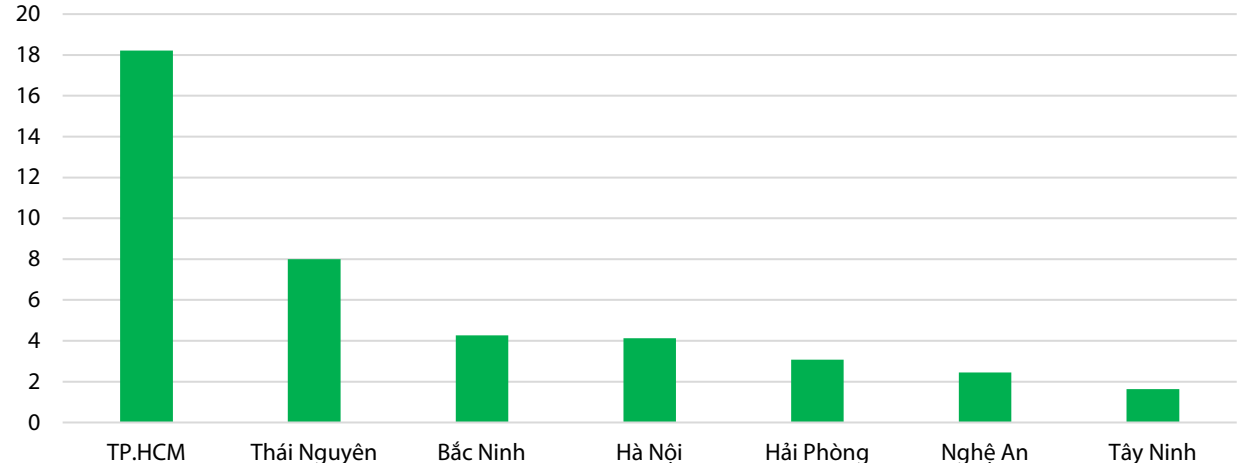
Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt

Cơ cấu vốn FDI qua 6 tháng đầu năm giai đoạn 2022-2026 (tỷ USD)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Các tỉnh/ thành thu hút FDI trong 9 tháng đầu năm 2026 (tỷ USD)



Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt

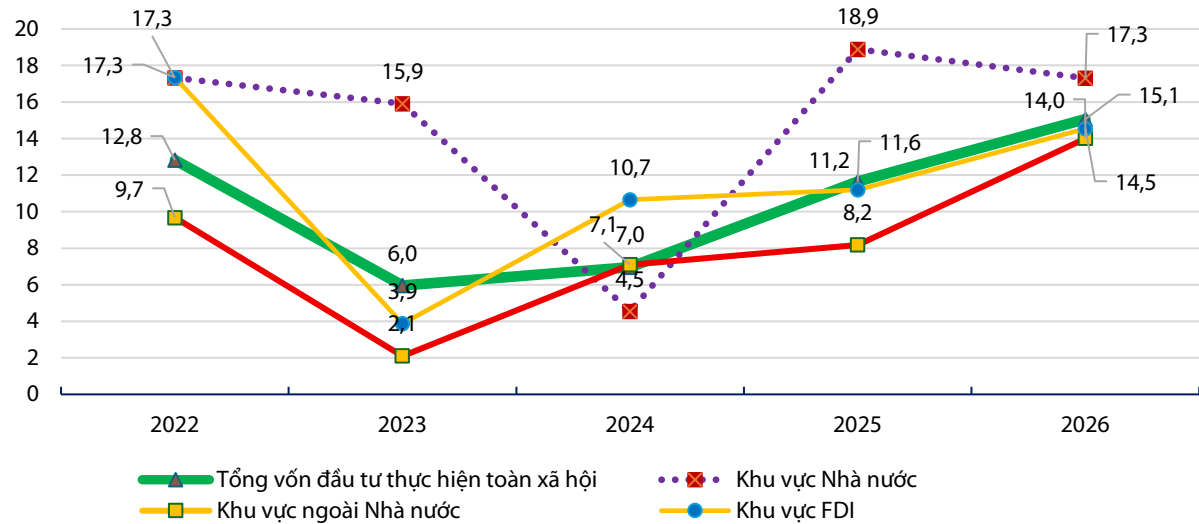
- ✓ **Thái Nguyên** hiện dẫn đầu cả nước về vốn FDI sản xuất đăng ký mới, với khoảng 5,77 tỷ USD từ 17 dự án, chiếm hơn một nửa tổng vốn FDI sản xuất toàn quốc trong kỳ.
- ✓ **TP.Hồ Chí Minh:** từ đầu năm đến ngày 19/9/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh đạt 17,225 tỷ đô la Mỹ, gấp khoảng 4,19 lần so với cùng kỳ năm 2025 và đạt 156,6% kế hoạch năm. Với kết quả này, TP.Hồ Chí Minh đã vượt 56,6% mục tiêu thu hút 11 tỷ đô la Mỹ vốn FDI đề ra cho cả năm.

Điểm nổi bật là vốn cấp mới chiếm 54,3% tổng vốn thu hút, trong khi vốn điều chỉnh chiếm 28,6%. Kết quả này cho thấy dòng vốn FDI vào Thành phố tăng mạnh cả ở các dự án mới và việc mở rộng đầu tư của các nhà đầu tư hiện hữu.

✓ **Nhiều dự án quy mô lớn:**

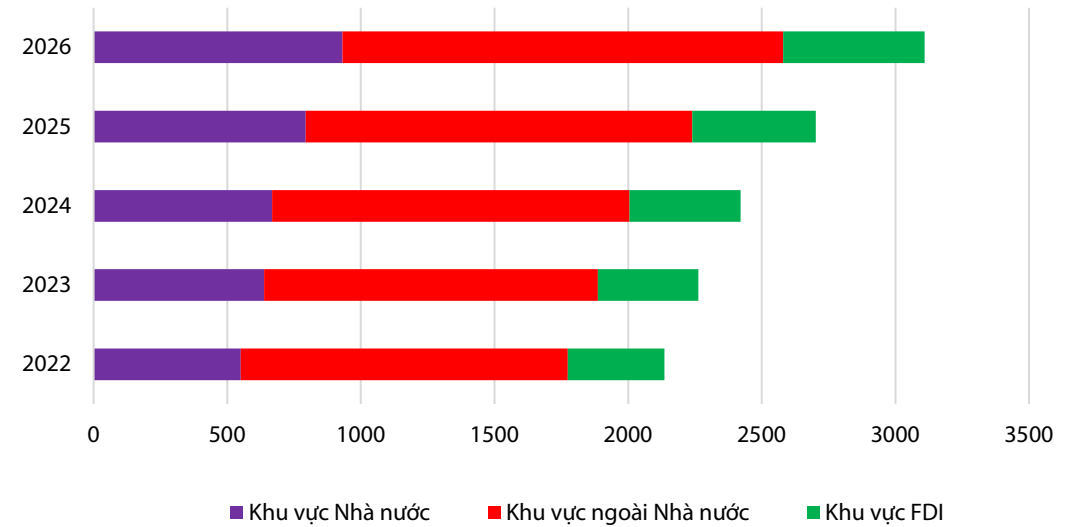
- Tiêu biểu là khoản đầu tư 4,08 tỷ USD của Samsung Semiconductor Asia Holdings và dự án 1,28 tỷ USD của Samsung Electro-Mechanics Vietnam (Thái Nguyên).
- Trong các dự án FDI cấp mới của TP.HCM, nổi bật là Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, với tổng vốn đầu tư hơn 4,9 tỷ đô la Mỹ.
- Trung tâm dữ liệu AI Factory, khoảng 2,1 tỷ đô la Mỹ. Dự án Trung tâm dữ liệu AI Factory (TP.HCM) tập trung vào hạ tầng tính toán, lưu trữ và xử lý dữ liệu, góp phần hỗ trợ phát triển trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.
- Bên cạnh các dự án cấp mới, các nhà đầu tư đề nghị tăng thêm khoảng 2,8 tỷ USD cho Dự án Khu đô thị đại học quốc tế và khoảng 1,4 tỷ đô la Mỹ cho Dự án Khu phức hợp thông minh tại Khu chức năng số 2a trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Tốc độ tăng/giảm vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội giai đoạn 2022-nay



Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

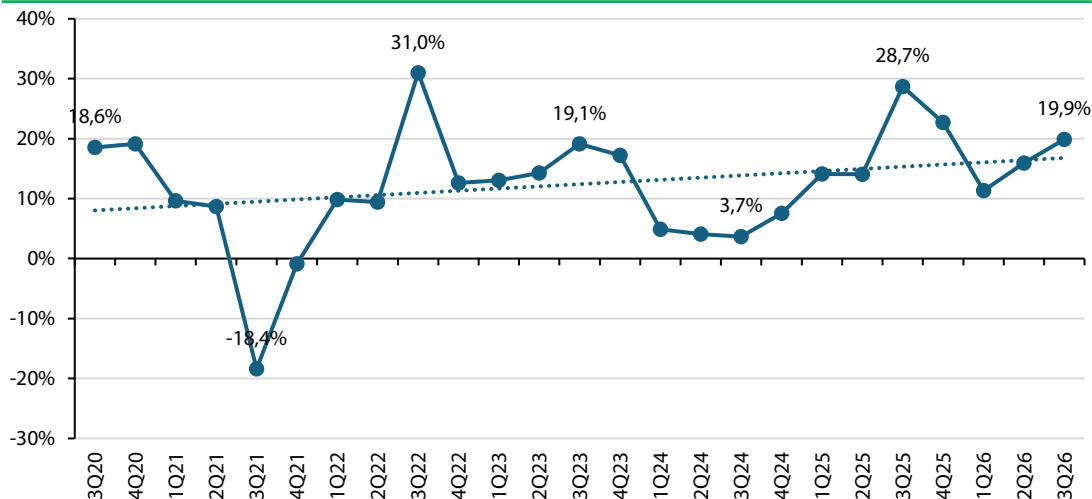
Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

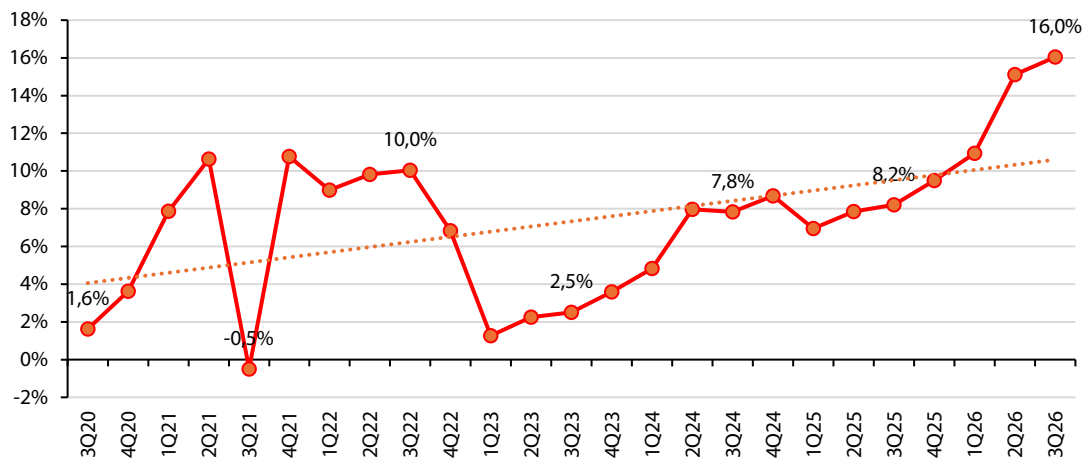
- Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội chín tháng năm 2026 ước đạt 3.109,6 nghìn tỷ đồng, tăng 15,1% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 11,6% năm 2025. Phân tích theo cơ cấu, khu vực ngoài Nhà nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo khi thực hiện 1.649,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 53% tổng nguồn vốn và tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực Nhà nước đạt 931 nghìn tỷ đồng, chiếm 30% tỷ trọng và ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất ở mức 17,3%. Bên cạnh đó, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp 529,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 17% và tăng 14,5% mức tăng này phản ánh hoạt động đầu tư tiếp tục được mở rộng, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tăng trưởng kinh tế trong 9 tháng của năm 2026.
- Sự bứt phá của vốn đầu tư khu vực tư nhân và khu vực nước ngoài cho thấy đây là các động lực tăng trưởng chính cho nền kinh tế, được thúc đẩy bởi các chính sách đổi mới căn cơ của Nhà nước mà trọng tâm là Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng vốn FDI giai đoạn 2026 – 2030; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước.
- Trong bối cảnh thâm hụt thương mại và tiêu dùng chưa có sự bứt phá rõ rệt thì đầu tư là trụ cột cho tăng trưởng trong các tháng còn lại của năm 2026.** Trong đó, cả 3 trụ cột là đầu tư từ khu vực Nhà nước (đóng vai trò vốn môi dẫn dắt), đầu tư tư nhân (thực hiện các dự án hạ tầng chiến lược) và đầu tư nước ngoài (khuyến khích vào các ngành công nghệ cao) đều cần phải bứt phá mạnh mẽ hơn nữa để duy trì đà tăng trưởng kinh tế như hiện nay.

Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư khu vực Nhà nước theo quý



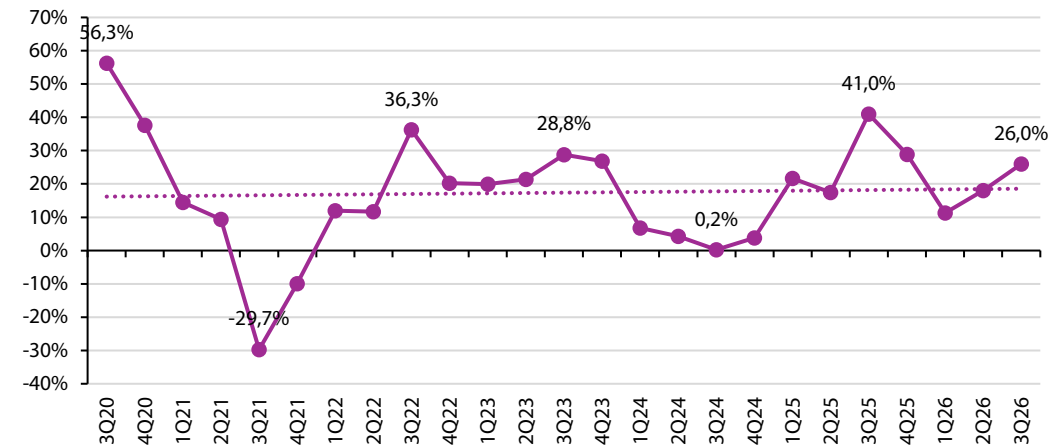
Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư khu vực tư nhân theo quý



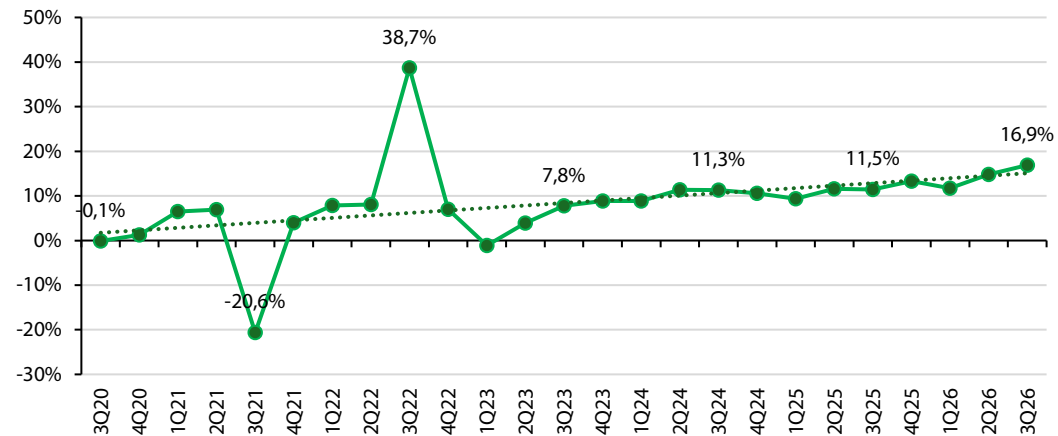
Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư có nguồn từ NSNN theo quý



Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư khu vực FDI theo quý



Nguồn: Bộ Tài chính, CTCK Rồng Việt tổng hợp

- **Nhiệm vụ tăng trưởng trong nửa cuối năm ở mức cao.** GDP 9 tháng tăng 9,01%, cho thấy nền kinh tế duy trì đà phục hồi tích cực. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số thì tăng trưởng Quý IV phải đạt trên 12% - mục tiêu đầy thách thức. Điều này đòi hỏi sự cải thiện đồng thời của ba động lực chính gồm đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu. Trong đó, đầu tư (gồm đầu tư công, đầu tư tư nhân và FDI) sẽ là các động lực then chốt hỗ trợ tăng trưởng cho Quý IV.
- **Diễn biến nhập siêu cần tiếp tục được theo dõi.** Chín tháng năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa ghi nhận mức nhập siêu 19,42 tỷ USD, trái ngược với trạng thái xuất siêu cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu tăng mạnh phần nào phản ánh nhu cầu nguyên liệu, máy móc và linh kiện phục vụ mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, tốc độ nhập khẩu cao hơn xuất khẩu cũng cho thấy mức độ phụ thuộc đáng kể vào nguồn đầu vào từ bên ngoài và có thể tạo thêm áp lực lên cán cân thương mại, cũng như tỷ giá nếu xu hướng này kéo dài.
- **Áp lực lạm phát vẫn hiện hữu.** CPI bình quân 9 tháng tăng 4,38%, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Mức tăng này vẫn nằm trong phạm vi kiểm soát, nhưng cần được theo dõi trong bối cảnh chi phí nhà ở, điện nước, vật liệu xây dựng, vận tải và dịch vụ ăn uống có xu hướng tăng. Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu đầu vào sản xuất tăng 5,40% cũng cho thấy áp lực chi phí có thể tiếp tục truyền dẫn vào giá tiêu dùng trong các tháng cuối năm.
- **Tiến độ giải ngân đầu tư công sẽ được đẩy nhanh hơn nữa.** Đầu tư công tiếp tục được kỳ vọng là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng. Tỷ lệ giải ngân 9 tháng đầu năm đạt khoảng 63% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cho thấy các điểm nghẽn như nguyên, vật liệu, giải phóng mặt bằng đã được khơi thông. Việc đẩy nhanh tiến độ trong quý IV/2026 sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với khả năng lan tỏa của dòng vốn đầu tư công sang các khu vực khác của nền kinh tế.
- **Vai trò của khu vực FDI vẫn chiếm tỷ trọng lớn.** Khu vực FDI tiếp tục đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng xuất khẩu, đặc biệt tại các nhóm điện tử, máy tính, linh kiện, máy móc và thiết bị. Đây là một lợi thế quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn hạn chế. Việc tăng cường liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp nội địa sẽ là yếu tố cần thiết để nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước và củng cố năng lực sản xuất dài hạn.
- **Các yếu tố bên ngoài tiếp tục tạo ra độ bất định.** Với độ mở kinh tế cao, Việt Nam vẫn nhạy cảm với biến động địa chính trị, giá năng lượng, chi phí vận tải, chi phí vốn toàn cầu tăng cao, chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn và xu hướng bảo hộ thương mại. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu, đầu tư, tỷ giá, lạm phát và tâm lý thị trường. Trong bối cảnh đó, việc điều hành chính sách cần duy trì sự cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng, ổn định tỷ giá và kiểm soát lạm phát.



Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities, 2026.**

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Thị Phương Lam – Giám đốc Trung tâm Phân tích

+84 28 6299 2006 Ext : 1313

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thạch Lam – Trưởng phòng Cao cấp

+84 28 6299 2006 Ext : 1524

lam.dt@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà – Trưởng phòng Vận hành

+84 28 6299 2006 Ext : 1526

ha.ttn@vdsc.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE